

Số: 1888417

|                                                | Kia New Seltos 1.5L AT | Mazda3 1.5L Luxury  |
|------------------------------------------------|------------------------|---------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>599.000.000đ</b>    | <b>644.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                        |                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645     | 4660 x 1795 x 1440  |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                   | 2725                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                   | 5300                |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                    | 145                 |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1234                   | 1330                |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1690                   | 1780                |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                    | 450                 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                     | 51                  |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                      | 5                   |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước       | SX-LR trong nước    |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                        |                     |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5G       | Skyactiv-G 1.5L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                   | 1496                |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 113 Hp/ 6.300 rpm      | 110 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 Nm/ 4.500 rpm      | 146 / 3500          |
| Hộp số                                         | Hộp số vô cấp CVT      | 6AT                 |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)        | Cầu trước (FWD)     |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson              | Độc lập Mc Pherson  |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng         | Thanh xoắn          |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                    | Đĩa                 |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                    | Đĩa                 |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17             | 205/60 R16          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                    | 9.35                |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                    | 5.32                |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                    | 6.8                 |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                      | ●                   |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport       | Normal/Sport        |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand          |                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                        |                     |
| Cụm đèn trước                                  | Halogen                | LED                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                      | ●                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                      |                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                      | ●                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                      |                     |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                | Halogen             |
| Đèn sương mù                                   | Halogen                |                     |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                | LED                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                      | ●                   |
| Gạt mưa tự động                                | -                      | ●                   |
| Cửa sổ trời                                    | -                      |                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                        |                     |

|                                      |          |                  |
|--------------------------------------|----------|------------------|
| Vô lăng bọc da                       | Urethane | ●                |
| Chất liệu ghế                        | Da       | Da               |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | ●        |                  |
| Ghế người lái chỉnh điện             | -        | ●                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -        | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●        | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -        |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -        |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -        |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -        |                  |
| Tính năng cửa hít                    | -        |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●        | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 4.2"     | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                         | -        |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8"       | 8.8              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●        | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động            | -        | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | Chỉnh cơ | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●        | ●                |
| Chìa khóa thông minh                 | ●        | ●                |
| Khởi động nút bấm                    | ●        | ●                |
| Khởi động từ xa                      | ●        |                  |
| Hệ thống âm thanh                    | 6 loa    | 8 loa            |
| Lấy chuyển số                        | -        | ●                |
| Sạc không dây Qi                     | -        |                  |
| Phanh đỗ điện tử                     | -        | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -        | ●                |
| Đèn trang trí nội thất               | -        |                  |
| Rèm che nắng                         | -        |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●        | ●                |

#### AN TOÀN:

|                                                 |   |     |
|-------------------------------------------------|---|-----|
| Số túi khí                                      | 2 | 7   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ● | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ● | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ● | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ● | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ● | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ● | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ● | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ● | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | - | ●   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ● | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | - |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | - |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | - |     |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | - |     |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | - |   |
| Camera lùi                               | ● | ● |